

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 11 năm 2021

Số: 203/2021/QĐST-VHNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 679/TLST VHNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Đặng Xuân S, sinh năm 1978

Chị Lê Thị L, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: đường Đ, Phường 9, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 22-10-2021, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý việc Hôn nhân và gia đình số 679/2021/TLST-VHNGĐ về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Xuân S và chị Lê Thị L. Anh S và chị L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự với những nội dung cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Thuận tình ly hôn;

Về con chung: Anh Đặng Xuân S và chị Lê Thị L có 03 con chung tên là Đặng Trú L1, sinh ngày 29-6-2011, Đặng Trú L2, sinh ngày 29-6-2011 và Đặng Trú V, sinh ngày 22-10-2012. Theo nguyện vọng của các con, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, anh S cấp dưỡng 1.000.000đồng/tháng/con đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về lệ phí Tòa án: Mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không

thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Xuân S và chị Lê Thị L thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Đặng Xuân S và chị Lê Thị L có 03 con chung tên là Đặng Trúc L1, sinh ngày 29-6-2011; Đặng Trúc L2, sinh ngày 29-6-2011 và Đặng Trúc V, sinh ngày 22-10-2012.

Theo nguyện vọng của các con và sự thỏa thuận của các đương sự, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1, cháu L2 và cháu V, anh S cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng/con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực cho đến khi cháu Nguyên đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, anh S và chị L đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Anh S có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Anh Đặng Xuân S và chị Lê Thị L mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền anh S đã nộp tạm ứng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001258 và chị L đã nộp tạm ứng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001257 cùng ngày 21-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Anh S, chị L đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- Chi cục THA DS Tp. Vũng Tàu;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Cúc

